

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ

(Hiệu lực từ 01/09/2024)

I/ DỊCH VỤ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI	
LOẠI HÌNH DỊCH VỤ	PHÍ
1. Tài khoản tiền gửi	
1.1. Mở tài khoản	
1.1.1. Phí mở tài khoản	Miễn phí (số tiền lần đầu nộp vào tài khoản): - Cá nhân: USD100/VND1 Triệu - Tổ chức: USD100/VND2 Triệu
1.1.2. Số dư tối thiểu	- Cá nhân: USD100/VND1 Triệu - Tổ chức: USD100/VND2 Triệu Đối với tài khoản euro: EUR100
1.2. Quản lý tài khoản	
1.2.1. Phí duy trì tài khoản (Nếu số dư hàng ngày thấp hơn số dư tối thiểu)	USD10/VND200K/tháng
1.2.2. Phí dịch vụ 6 tháng	USD10/VND100K(lần)
1.2.3. Yêu cầu thay đổi người điều hành tài khoản	USD2/VND40K
1.3. Sao kê tài khoản:	
1.3.1. Hàng tháng	Miễn phí
1.3.2. Sao kê tài khoản theo yêu cầu (Tra cứu các giao dịch trong vòng nhỏ hơn hoặc bằng 12 tháng kể từ ngày yêu cầu)	USD1/VND20K/tháng
1.3.3. Sao kê tài khoản theo yêu cầu (Tra cứu các giao dịch trên 12 tháng kể từ ngày yêu cầu)	USD5/VND100K/tháng
1.4. Đóng tài khoản	USD10/VND200K
1.5. Xác nhận số dư	
1.5.1. Xác nhận số dư tài khoản TGKH	USD5/VND100K
1.5.2. Xác nhận số dư phục vụ mục đích kiểm toán	USD5/VND100K
1.6. Chi phí kiểm đếm tiền mặt (thu theo thực tế)	
1.6.1. Tiền Đồng	0,03% tối thiểu VND5K tối đa VND1 Triệu
1.6.2. Tiền Đô la Mỹ	0,2% tối thiểu USD2
1.6.3. Các đồng tiền khác	Theo thỏa thuận
1.7. Các dịch vụ khác	
1.7.1. Thông báo từ chối thanh toán séc do không đủ tiền trên tài khoản	USD10/VND200K
1.7.2. Tài khoản không hoạt động (không phát sinh giao dịch 12 tháng liên tiếp)	
1.7.2.1. Phí duy trì tài khoản không hoạt động	USD10/VND200K/tháng
1.7.3. Thông báo hủy/ thông báo mất séc	USD5/VND100K
1.7.4. Lệnh thanh toán định kỳ	VND20K cộng thêm chi phí phát sinh nếu có
1.7.5. Trả lương qua tài khoản	VND2K/món cộng thêm chi phí phát sinh nếu có
1.7.6. Phát hành lại sổ TGKH/giấy tờ có giá	USD5/VND100K
2. TK vãng lai ưu đãi (CAP)	
2.1. Mở tài khoản	
2.1.1. Phí mở tài khoản CAP	Miễn phí (số tiền lần đầu nộp vào tài khoản là USD10 hoặc VND50K)
2.1.2. Số dư tối thiểu	USD10/VND50K
2.2. Quản lý tài khoản	
2.2.1. Phí duy trì tài khoản CAP	Miễn phí
2.2.2. Phí dịch vụ 6 tháng	Miễn phí
2.2.3. Tài khoản không hoạt động (không phát sinh giao dịch 12 tháng liên tiếp)	
2.2.3.1. Phí duy trì tài khoản không hoạt động	USD2/VND10K/tháng
2.3. Đóng tài khoản CAP	USD5/VND50K
3. Gửi tiền	
3.1. Bằng tiền mặt VND	

3.1.1. Tại cùng chi nhánh của PBVN	Miễn phí
3.1.2. Tại chi nhánh khác cùng hệ thống PBVN	
a. Dưới VND250tr/ngày	Miễn phí
b. Từ VND250tr/ngày trở lên	0,02% tối thiểu VND50K tối đa VND1 Triệu
3.2. Bằng tiền ngoại tệ	Theo thỏa thuận
4. Rút tiền	
4.1. Tiền Đồng	Miễn phí
<i>(Nếu rút tiền/chuyển khoản trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền vào TK, NH sẽ phụ thu phí kiểm đếm)</i>	
4.2. Tiền Đô la Mỹ	Theo thỏa thuận
4.3. Các đồng tiền khác	Theo thỏa thuận
5. Phí một cuốn séc	USD1/VND20K 1 cuốn 10 tờ
6. Dịch vụ ATM	
6.1. Phí rút tiền	
6.1.1. Rút tiền tại cây ATM của PBVN	Miễn phí
6.1.2. Rút tiền tại cây ATM của NH khác	
6.1.2.1. Tài khoản vãng lai thông thường	VND2800/giao dịch
6.1.2.2. Tài khoản CAP	
a. Năm giao dịch đầu tiên (trong một tháng)	Miễn phí
b. Từ giao dịch thứ sáu trở đi	VND2800/giao dịch
6.2. Phí chuyển khoản (chuyển giữa các TK PBVN)	
6.2.1. Chuyển tại cây ATM của PBVN	Miễn phí
6.2.2. Chuyển tại cây ATM của các NH khác	VND1500/giao dịch
6.3. Phí phát hành thẻ lần đầu	VND50K
6.4. Phí làm lại thẻ	VND50K
6.5. Tra cứu số dư	
6.5.1 Không in hóa đơn:	
a. Tại ATM của NH PBVN	Miễn phí
b. Tại ATM của NH khác	VND500/giao dịch
6.5.2. In hóa đơn:	
a. Tại ATM của NH PBVN	VND500/giao dịch
b. Tại ATM của NH khác	VND800/giao dịch
6.5.3. Sao kê tài khoản tại máy ATM	
a. Tại ATM của NH PBVN	VND500/giao dịch
b. Tại ATM của NH khác	VND800/giao dịch
6.6. Phí thường niên <i>(thu theo tháng)</i>	VND60K/năm

CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

1. Toàn bộ phụ phí như phí điện tín, bưu phí, phí điện thoại, fax và phí do NH khác thực thu, nếu có, sẽ được thu thêm từ khách hàng.
2. Phí thu cho các dịch vụ khách không thuộc biểu phí sẽ được cung cấp theo yêu cầu: USD 5 cộng phí thực tế phát sinh khác
3. Phí áp dụng cho các tài khoản ngoại tệ khác sẽ được quy đổi từ phí đô la Mỹ theo tỷ giá hiện hành
4. Ngân hàng có quyền sửa đổi và xem xét lại Biểu phí Nghiệp vụ nêu trên mà không cần báo trước.
5. Với các mục được đánh dấu (**), vui lòng liên hệ Chi nhánh gần nhất để được cập nhật mức phí tại thời điểm giao dịch
6. Biểu phí này chưa bao gồm VAT

CKE/NQT/WCO/NTN